

Số: 324 / KH-UBND

Kbang, ngày 30 tháng 3 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện năm 2020

Thực hiện Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 20/2/2020 của UBND Tỉnh “V/v phê duyệt Danh sách 27 xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới; 6 xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; huyện Kbang và Huyện ĐăkPơ đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2020”;

Nghị Quyết 143/NQ-HĐND ngày 20/12/2019 của HĐND huyện “Về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, Quốc phòng – An ninh năm 2019; mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp năm 2020”;

Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 28/02/2020 của UBND huyện “V/v giao kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020 trên địa bàn huyện Kbang”;

UBND huyện xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích: Là căn cứ để UBND các xã, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức và nhân dân nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới trong năm 2020.

2. Yêu cầu: Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, UBND các xã tập trung chỉ đạo, thực hiện hoàn thành nội dung Chương trình xây dựng NTM được giao năm 2020. Triển khai đồng bộ các giải pháp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự xã hội được giữ vững;

2. Mục tiêu cụ thể:

- Duy trì và nâng cao 19 tiêu chí đã đạt chuẩn đối với 4 xã Đông, Nghĩa An, ĐăkHlơ và Sơn Lang.

- Phấn đấu đến cuối năm 2020 thực hiện đạt chuẩn 19/19 tiêu chí trên địa bàn 9 xã (Sơ Pai, ĐăkSmar, KonPne, Đăkrong, Krong, Lơ Ku, Tơ Tung, Kông Long Khong và Kông Bờ La), trong đó:

- + Xã Sơ Pai: thực hiện chuẩn 5 tiêu chí (6, 8, 9, 10, 17).
- + Xã Tơ Tung : thực hiện chuẩn 2 tiêu chí (9, 10).

- + Xã ĐắkSmar: thực hiện chuẩn 4 tiêu chí (5, 10, 11, 18).
- + Xã Kon Phe: thực hiện chuẩn 6 tiêu chí (2, 5, 6, 8, 10, 11).
- + Xã Kông Bờ La: thực hiện chuẩn 4 tiêu chí (2, 9, 10, 11).
- + Xã Lơ Ku: thực hiện chuẩn 6 tiêu chí (2, 5, 9, 10, 11, 17).
- + Xã Kông Long Khong: thực hiện chuẩn 5 tiêu chí (2, 9, 10, 11, 17, 18).
- + Xã Krong: thực hiện chuẩn 8 tiêu chí (2, 5, 6, 9, 10, 11, 17, 18).
- + Xã Đắkrong: thực hiện chuẩn 8 tiêu chí (2, 5, 6, 9, 10, 11, 17, 18).
- Triển khai thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn 4 xã:
- + Xã ĐắkHlor: thực hiện đạt chuẩn 4 tiêu chí xã NTM nâng cao (5, 7, 8, 16).
- + Xã Đông: thực hiện đạt chuẩn 5 tiêu chí xã NTM nâng cao (3, 5, 6, 8, 10).
- + Xã Nghĩa An: thực hiện đạt chuẩn 5 tiêu chí xã NTM nâng cao (2, 6, 7, 8, 16).
- + Xã Sơn Lang: thực hiện đạt chuẩn 6 tiêu chí xã NTM nâng cao (2, 3, 5, 6, 8, 16).
- Phấn đấu đến cuối năm 2020 huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ:

1. Công tác quản lý, chỉ đạo Chương trình:

- Tiếp tục củng cố và nâng cao hoạt động của BCĐ các cấp;
- Tổ chức kiện toàn Văn phòng điều phối NTM giúp việc cho BCĐ xây dựng nông thôn mới của huyện.
- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện.

2. Công tác tuyên truyền, vận động và thi đua xây dựng NTM:

- Các cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể, các cơ quan chức năng của huyện tiếp tục tổ chức phổ biến, quán triệt và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức hơn nữa cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới.
- Tiếp tục thực hiện tốt phong trào “*Kbang chung sức xây dựng nông thôn mới*” để phong trào tiếp tục lan tỏa đến từng thôn, làng, hộ gia đình.
- Hội nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh,... chủ động đăng ký những nội dung thiết thực, vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia triển khai xây dựng NTM, khích lệ động viên các cá nhân, tổ chức cùng đồng lòng chung sức xây dựng NTM.

3. Công tác đào tạo, tập huấn: Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn kịp thời cho cán bộ phòng, ban chuyên môn của huyện, cán bộ cấp xã và các thôn làng một số văn bản mới về xây dựng nông thôn mới.

4. Phát triển sản xuất, thực hiện giảm nghèo nâng cao thu nhập cho người dân:

4.1. Kế hoạch thực hiện: giảm 450 hộ nghèo trong năm 2020, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn các xã xây dựng NTM đạt chuẩn theo quy định của Bộ tiêu chí xây dựng NTM.

4.2. Nội dung thực hiện:

- Triển khai có hiệu quả các dự án sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả như tái canh cà phê, hỗ trợ giống mắc ca, giới xanh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ dân tộc Bahnar.... Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX hiện có,

- Ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất (theo đúng nguyện vọng và phù hợp với nhu cầu thực tế hộ gia đình) cho 450 hộ đăng ký thoát nghèo trong năm 2020 từ nguồn vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (135), vốn đảm bảo an sinh xã hội, trong đó:

+ Hỗ trợ 102 hộ nghèo, mỗi hộ 1 bò cái giống sinh sản từ nguồn vốn đảm bảo xã hội.

+ Hỗ trợ xây dựng các mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm từ nguồn vốn nông thôn mới và Chương trình 135.

+ Hỗ trợ một phần kinh phí mua giống các hộ nghèo, cận nghèo và hộ dân tộc thiểu số trồng tái canh cà phê, mắc ca, dổi xanh,... từ nguồn vốn ngân sách huyện (Dự kiến 1,5 tỷ đồng).

- Đẩy mạnh, chuyển giao khoa học – công nghệ vào sản xuất, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp, nhất là doanh nghiệp nông nghiệp có liên kết với người nông dân theo chuỗi giá trị gia tăng.

- Thực hiện tốt chính sách khoán BVR, giao đất, giao rừng để nhân dân phát triển kinh tế từ rừng và quản lý bảo vệ rừng.

- Đề nghị UBND Tỉnh Kêu gọi hỗ trợ cho 348 hộ nghèo (có điều kiện chăn nuôi) mỗi hộ 1 bò cái sinh sản để hộ thực hiện chăn nuôi, tăng thu nhập thoát nghèo bền vững (trong tổng số 450 hộ đăng ký thoát nghèo nhưng chưa được hỗ trợ bò từ nguồn vốn đảm bảo xã hộ năm 2020).

(Có phụ biểu số 06 kèm theo)

5. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

5.1. Mục tiêu: Hệ thống giao thông được cứng hóa theo quy định; cơ sở vật chất trường học đạt chuẩn trên 70%; các trung tâm văn hóa xã, thôn, làng được công nhận đạt chuẩn; hạ tầng kỹ thuật thông tin, truyền thông đạt chuẩn; không còn nhà tạm, tỷ lệ nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng đạt 75%.

5.2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện:

- Lồng ghép, huy động tối đa nguồn lực để tập trung đầu tư hoàn thành nhóm tiêu chí về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phục vụ sản xuất, dân sinh, văn hóa, giáo dục..., cụ thể:

+ **Giao thông:** Thực hiện cứng hóa 75,88km đường giao thông các loại, trong đó (BTXM 6 km đường giao thông trục huyện, 2,44km đường giao thông trục xã, 14,87km đường nội thôn làng và 52,57 đường trục chính nội đồng). (Chi tiết có phụ biểu số 01 kèm theo).

+ **Thủy lợi:** Đầu tư nâng cấp 01 công trình thủy lợi để chủ động cung cấp nước sản xuất nhân dân trên địa bàn xã Kon Pnê; Kiên cố hóa bằng BTXM dài 2,1km kênh mương dẫn nước nội đồng để tiết kiệm nước tưới sản xuất; tuyên truyền phổ biến kiến thức phòng chống thiên tai cho nhân dân để chủ động ứng phó. (Chi tiết có phụ biểu số 02 kèm theo).

+ **Cơ sở vật chất trường học:** Đầu tư nâng cấp chỉnh trang 10 cơ sở trường học các cấp (2 trường Mẫu giáo và 8 trường TH và THCS); thực hiện rà soát, lập hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn cấp độ 1 tại 12 cơ sở trường học các cấp tại địa bàn các xã Kon Pnê, Đăkrong, Krong, ĐăkSmar, Lơ Ku và Kông Bờ La. (Chi tiết có phụ biểu số 03 kèm theo).

+ **Cơ sở vật chất văn hóa và thông tin:** Đầu tư xây mới 1 trung tâm văn hóa tại xã Krong, 01 Hội trường nhà văn hóa xã Đông, sửa chữa trung tâm văn hóa xã Đăkrong; thực hiện chỉnh trang mua sắm các dụng cụ thể thao cho trẻ em và người cao tuổi tại trung tâm

văn hóa các xã Kon Pne, Đăkrong, Lơ Ku, Sơ Pai, ĐăkSmar, Kông Bờ La và Kông Long Khong;

Đầu tư xây mới 4 nhà văn hóa thôn làng (*Làng Kgiang – Kông Long Khong, Làng Klôm – Kông Bờ La, Làng Kon Ktonh, Kon Kring – Kon Pne*), mua sắm một số trang thiết bị (bàn ghế, hệ thống âm thanh,...) tại các nhà văn hóa thôn, làng; Lập hồ sơ đề nghị thành lập trung tâm văn hóa xã Kon Pne, Đăkrong, Sơ Pai, Kông Long Khong và ĐăkSmar.

Lắp đặt mới 2 đài truyền thanh xã để cung cấp thông tin cho 2 dân trên địa bàn 2 xã Sơ Pai, Kon Pne theo quy định.

(Chi tiết có phụ biểu số 04 kèm theo)

+ **Nhà ở dân cư:** Huy động nguồn lực từ các đơn vị, Doanh nghiệp và cán bộ công chức, viên chức đóng góp kinh phí để hỗ trợ 255 hộ gia đình khó khăn tại địa bàn các xã (*Đăkrong, Krong, Sơ Pai, Lơ Ku, Tơ Tung, Kông Bờ La, Kông Long Krong*) thực hiện xóa nhà tạm (*150 hộ làm mới và 105 hộ sửa chữa*); tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chỉnh trang, nâng cấp nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng. *(Chi tiết có phụ biểu số 05 kèm theo)*.

6. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường:

6.1. Mục tiêu: Huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục các cấp ở mức độ 2, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 85%, trên 70% thôn, làng được công nhận văn hóa, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95% và hơn 70% hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh.

6.2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện:

- **Giáo dục:** Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên; tổ chức rà soát, đánh giá tỷ lệ phổ cập giáo dục ở các cấp học.

- **Y tế:** Tiếp tục khuyến khích, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- **Văn hóa:** Tiếp tục hoàn thiện các thiết chế văn hóa ở nông thôn, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phát triển văn hóa, thể thao quần chúng, nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; tổ chức đánh giá và công nhận thôn, làng đạt chuẩn văn hóa theo quy định.

- Môi trường:

+ Đầu tư nâng cấp 2 hệ thống nước sinh hoạt tập trung để đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn 2 xã KonPne và ĐăkSmar (*công trình nước sinh hoạt Đăk Lơ Nhang – xã KonPne và công trình nước sinh hoạt tập trung làng Cam, làng ĐăkKmung xã ĐăkSmnar*).

+ Thực hiện lấy 76 mẫu nước để xét nghiệm để đánh giá tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch trên địa bàn các xã.

+ Hỗ trợ cho 1.289 hộ thuộc các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khuyết tật và hộ gia đình chính sách thực hiện xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định.

+ Đầu tư lắp đặt dụng cụ và xây dựng phương án thu gom bảo bì thuốc BVTV sau sử dụng tại các khu sản xuất tập trung trên địa bàn các xã.

+ Phát động phong trào trồng cây xanh, con đường hoa,... để xây dựng cảnh quang xanh – sạch – đẹp tại các khu dân cư.

(Chi tiết có phụ biểu số 07 kèm theo)

7. Về xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

7.1. Mục tiêu: 100% cán bộ công chức các xã đạt chuẩn; 13/13 xã được công nhận tiếp cận pháp luật.

7.2. Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện:

- Tổ chức sắp xếp bố trí cán bộ, công chức chưa đạt chuẩn theo quy định tại các xã Krong, Kông Long Khong và ĐắkSmar.
- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức bồi dưỡng chức danh cho các cán bộ, công chức theo quy định.
- Tăng cường hướng dẫn UBND các xã lập hồ sơ đánh giá, đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

8. Kiểm tra, đánh giá thực trạng các tiêu chí nông thôn mới:

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các xã thực hiện đạt chuẩn các nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí về xây dựng NTM được giao năm 2020.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn UBND các xã sắp xếp hồ sơ minh chứng đạt chuẩn từng tiêu chí theo quy định.

IV. KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC.

1. Tổng kế hoạch vốn thực hiện đạt chuẩn các chỉ tiêu trong năm 2020 là: 126.301,9 triệu đồng, trong đó đầu tư từng tiêu chí như sau:

- Giao thông: 62.450,5 triệu đồng.
- Thủy lợi: 3.199,1 triệu đồng.
- Trường học: 21.889,0 triệu đồng.
- Văn hóa và thông tin: 7.049,6 triệu đồng.
- Nhà ở dân cư: 6.923,7 triệu đồng.
- Hộ nghèo, thu nhập: 16.862,0 triệu đồng.
- Môi trường: 7.928,0 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí.

2.1. Nguồn kinh phí đã có:

- Vốn Ngân sách TW: 63.063,0 triệu đồng (*Vốn NTM: 47.902,0 triệu đồng, Vốn 135: 13.121,0 triệu đồng, Vốn bảo trợ xã hội: 2.040,0 triệu đồng*).
- Vốn Ngân sách địa phương (*Tỉnh, Huyện, xã*): 28.157,2 triệu đồng.

2.2. Vốn huy động Doanh nghiệp: 5.799,7 triệu đồng.

2.3 Vốn đóng góp của nhân dân: 5.428,0 triệu đồng.

2.4. Vốn chưa xác định được nguồn, cần đề nghị hỗ trợ: 23.854,0 triệu đồng.

*** Dự kiến huy động:**

- Ngân sách huyện, xã: huy động là **3.634,0 triệu đồng** để làm các tuyến đường giao thông nội đồng, nội thôn làng.
- Đề nghị UBND Tỉnh hỗ trợ: **20.220,0 triệu đồng**, trong đó:
 - + Đầu tư 6km BTXM, đường giao thông trục huyện (*Đoạn từ ngã 3 làng Pngăl xã Kông Long Khong đi xã ĐắkHlor*), kinh phí 15.000,0 triệu đồng.

+ Hỗ trợ cho 348 hộ nghèo trong tổng số 450 hộ đăng ký thoát nghèo trong năm 2020 (*vốn đảm bảo an sinh xã hội đã hỗ trợ 102 hộ*) để giảm nghèo bền vững, với mức hỗ trợ 1 con bò cái sinh sản/hộ, kinh phí 5.220,0 triệu đồng.

(Chi tiết có biểu tổng hợp kèm theo)

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Đối với các xã:

1.1. Đảng ủy xã: Đưa nội dung kế hoạch này vào Nghị quyết và chương trình công tác của Đảng ủy xã để lãnh đạo, chỉ đạo huy động cả hệ thống chính trị, toàn thể nhân dân tham gia thực hiện. Đặc biệt chỉ đạo mặt trận TQVN xã, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ xã, ... xây dựng kế hoạch cụ thể để tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về xây dựng đạt chuẩn xã nông thôn mới; phân công và giao chỉ tiêu thực hiện các nội dung về xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, xóa nhà tạm, ... cho mặt trận, đoàn thể xã; Chỉ đạo UBND xã xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết, cụ thể, tập trung theo dõi lãnh đạo UBND xã tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

1.2. UBND các xã:

- Trên cơ sở chỉ tiêu, kế hoạch được giao, tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, chi tiết từng nội dung, đề ra giải pháp cụ thể từng chỉ tiêu, tiêu chí.

- Tập trung mọi nguồn lực, lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án ... trên địa bàn xã để thực hiện duy trì xã đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới được giao, hoàn thành xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2020.

- Phối hợp Phòng giáo dục và Đào tạo cùng các trường học trên địa bàn xã mình lập hồ sơ đề nghị công nhận trường học có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn để hoàn thành tiêu chí số 5.

- Chủ trì, Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin tổ chức rà soát từng chỉ tiêu về cơ sở vật chất văn hóa, xây dựng kế hoạch đạt chuẩn; tổ chức xét đề nghị công nhận thôn, làng văn hóa.

- Tiếp nhận kinh phí hỗ trợ của các đơn vị, Doanh nghiệp, phối hợp cùng với các đơn vị Quân đội thực hiện hỗ trợ hộ gia đình thực hiện xóa nhà tạm; Vận động nhân dân chỉnh trang nhà cửa, vườn tược, ... tổ chức sản xuất có hiệu quả và đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn; tổ chức điều tra thu thập số liệu người dân sử dụng các nguồn nước trên địa bàn toàn xã, lấy mẫu nước để xét nghiệm; Tổ chức thu thập số liệu cơ sở sản xuất - kinh doanh đạt chuẩn về môi trường và bảo đảm an toàn thực phẩm; Xây dựng kế hoạch trồng cây xanh trên các tuyến đường và khu dân cư; quy hoạch bãi rác và xây dựng các phương án thu gom chất thải rắn và bao bì thuốc bảo vệ thực vật; hộ trợ hộ gia đình làm nhà tiêu hợp vệ sinh,...

- Bố trí, cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn các chức danh theo quy định.

- Phối hợp với mặt trận và các đoàn thể xã tiếp tục tuyên truyền, vận động toàn bộ hệ thống chính trị và cộng đồng tham gia thực hiện chương trình;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện chương trình theo đúng quy định (*Định kỳ hàng tháng, 6 tháng và năm*).

2. Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội Huyện:

- Tiếp tục tổ chức phổ biến, quán triệt và tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức hơn nữa cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác dân vận, phát động phong trào hỗ trợ người nghèo, vận động quyền góp hỗ trợ người nghèo xóa nhà tạm, xây dựng công trình vệ sinh và chỉnh trang nhà cửa.

3. các cơ quan chuyên môn huyện:

3.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng điều phối nông thôn mới, các cơ quan, ban, ngành liên quan, tham mưu UBND huyện phân bổ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới (*kể cả các nguồn vốn lồng ghép của các Chương trình mục tiêu, dự án trên địa bàn huyện, vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân...*);

- Hướng dẫn UBND các xã tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, thanh quyết toán đúng quy định.

- Phụ trách, hướng dẫn xã thực hiện, sắp xếp hồ sơ chứng minh đạt chuẩn tiêu chí số 10 về thu nhập trong thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới.

3.2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng:

- Tham mưu UBND huyện triển khai lập thủ tục lập quy hoạch xây dựng vùng huyện.

- Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Văn phòng điều phối NTM huyện, các cơ quan liên quan hướng dẫn trình tự thủ tục lập hồ sơ thiết kế xây dựng công trình thuộc nguồn vốn nông thôn mới, thẩm định và trình UBND huyện hoặc chuyển UBND xã phê duyệt.

- Phụ trách, hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ chứng minh các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: tiêu chí số 1, 2, 4, 7, 9, chỉ tiêu 17.4 tiêu chí số 17 thuộc bộ tiêu chí xã NTM;

- Chủ trì tham mưu UBND Huyện, đề xuất giải pháp tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí số 1, 2, 4 về thực hiện xây dựng huyện NTM (*Theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

3.3. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện:

- Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện, các cơ quan liên quan hướng dẫn các xã xây dựng phương án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới; tham mưu UBND huyện triển khai nhận rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế trên địa bàn huyện để từng bước nâng cao thu nhập cho người dân;

- Phụ trách, hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: tiêu chí 3, 13 và chỉ tiêu 17.1, 17.8 thuộc tiêu chí 17, cụ thể:

+ Tiêu chí số 3- Về thủy lợi: Duy trì, nâng cao mức độ đạt tiêu chí, tham mưu UBND huyện chỉ đạo quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình thủy lợi; phối hợp triển khai đầu tư một số hệ thống lưới điện tại khu vực sản xuất tập trung, tăng tỷ lệ diện tích đất sản xuất được tưới tiêu, chủ động trên địa bàn.

+ Tiêu chí số 13- Về tổ chức sản xuất: Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; đẩy mạnh thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, trong đó đầu mối thực hiện liên kết là các hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp.

+ Chỉ tiêu 17.1- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch theo quy định: Thực hiện tốt công tác theo dõi bộ chỉ số nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định, hướng dẫn UBND các xã lấy mẫu nước để xét nghiệm đánh giá tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch trên địa bàn.

+ Chỉ tiêu 17.8- Tỷ lệ hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: Thực hiện quản lý tốt các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc cấp huyện quản lý; hướng dẫn UBND các xã quản lý đúng quy định đối với cơ sở sản xuất thực phẩm ban đầu nhỏ lẻ; phối hợp với phòng Y tế, phòng Kinh tế quản lý tốt các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc quản lý của ngành Y tế, ngành công thương theo quy định.

- Chủ trì tham mưu UBND Huyện, đề xuất giải pháp triển khai thực hiện các tiêu chí số 3- về thủy lợi, 6 - về sản xuất, thuộc bộ tiêu chí huyện nông thôn mới (*Theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

3.4. Phòng Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện, các cơ quan liên hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ chứng minh các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.5, 17.6 và 17.7 thuộc tiêu chí số 17, cụ thể:

+ Chỉ tiêu 17.2 - Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: Tổ chức phối hợp với UBND xã rà soát, tổng hợp các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn để tổ chức kiểm tra, thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường.

+ Chỉ tiêu 17.3 - Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn: Phối hợp với UBND xã tổ chức trồng cây xanh trên các trục đường chính và tại trụ sở cơ quan; tổ chức rà soát, thống kê tỷ lệ hộ gia đình có hàng rào cổng ngõ.

+ Chỉ tiêu 17.5 - Chất thải rắn: Tổ chức hướng dẫn các xã xây dựng phương án và triển khai thực hiện phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phương án thu gom vận chuyển, xử lý bao bì thuốc BVTV sau sử dụng.

+ 17.6 - Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Phối hợp với UBND xã rà soát, thống kê hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm và bể chứa nước hợp vệ sinh; thống kê hộ gia đình đảm bảo 3 sạch.

+ 17.7 - Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo hợp vệ sinh môi trường: Phối hợp UBND xã rà soát, thống kê hộ có hoạt động chăn nuôi và các hộ có chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường; tuyên truyền vận động hỗ trợ xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các hộ chăn nuôi chưa đảm bảo yêu cầu.

- Chủ trì tham mưu UBND Huyện, đề xuất giải pháp triển khai thực hiện tiêu chí số 7 về thực hiện xây dựng huyện NTM (*Theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

3.5. Phòng Văn hóa và Thông tin:

- Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện, các cơ quan liên hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ chứng minh các tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: Tiêu chí số 6, 8 và 16, cụ thể:

+ Tiêu chí số 6 - Cơ sở vật chất văn hóa: Phối hợp với UBND xã tổ chức rà soát hiện trạng cơ sở vật chất và các hạng mục công trình phụ trợ theo yêu cầu của tiêu chí xây

dựng NTM đối với trung tâm văn hóa xã và các nhà văn hóa thôn, làng để đề xuất thực hiện.

- + Tiêu chí số 8 - Thông tin và truyền thông: Phối hợp với UBND xã rà soát các cụm loa được bố trí ở các thôn làng; Hướng dẫn UBND xã duy trì hoạt động trang thông tin điện tử thành phần của xã trên trang thông tin điện tử của huyện để cung cấp thông tin cho người dân.

- + Tiêu chí số 16 - Văn hóa: Hướng dẫn UBND xã lập hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn, làng đạt chuẩn văn hóa hàng năm và bổ sung hồ sơ chứng minh thôn, làng đạt chuẩn văn hóa ở những năm trước.

- Chủ trì tham mưu UBND Huyện, đề xuất giải pháp triển khai thực hiện chỉ tiêu 5.2 về Trung tâm văn hóa - thể thao huyện, thuộc tiêu chí số 5 - Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới (*Theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

3.6. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện, các cơ quan liên quan hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: Tiêu chí số 5, Chỉ tiêu 14.1, 14.2 thuộc tiêu chí số 14 về xây dựng xã NTM, cụ thể:

- + Tiêu chí số 5 - Trường học: Tổ chức rà soát các cơ sở trường học trên địa bàn các xã, Hướng dẫn Ban giám hiệu các trường lập hồ sơ đề nghị công nhận trường đạt chuẩn theo đúng quy định.

- + Chỉ tiêu 14.1: Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Hướng dẫn Ban giám hiệu các trường lập hồ sơ, đề nghị và tổ chức đánh giá công nhận Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt **mức độ 2** theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- + Chỉ tiêu 14.2: Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, trung cấp*): Xây dựng kế hoạch vận động, khuyến khích học sinh khối học sinh THCS tiếp tục tham gia học tập; Tổ chức thống kê tỷ lệ học sinh THCS tiếp tục đi học phổ thông trong năm học mới.

- Chủ trì tham mưu UBND Huyện, đề xuất giải pháp triển khai thực hiện chỉ tiêu 5.3 về Tỷ lệ trường trung học phổ thông đạt chuẩn, thuộc tiêu chí số 5 - Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới (*Theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

3.7. Phòng Y tế và Trung tâm Y tế huyện:

- Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện, Phòng Dân tộc và các cơ quan liên quan hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn Tiêu chí số 15 về xây dựng xã NTM, cụ thể:

- + Chỉ tiêu 15.1: Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: Phối hợp với UBND các xã tổ chức vận động hộ gia đình không thuộc đối tượng nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm tham gia đóng bảo hiểm y tế tự nguyện; Phối hợp với các cơ quan Phòng Dân tộc, Phòng Lao động TB&XH và UBND xã thống kê tỷ lệ người dân thuộc đối tượng nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế; thống kê người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã đang làm việc, học tập ngoài địa bàn huyện có tham gia bảo hiểm y tế, các đối tượng khác tham gia bảo hiểm y tế nhưng cơ quan bảo hiểm xã hội huyện không theo dõi, để xác định chính xác tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

- + Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi: Chỉ đạo Ban y tế dự phòng huyện, trạm y tế các xã định kỳ 6 tháng tổ chức cân đo cho trẻ em dưới 5 tuổi

trên địa bàn các xã; thực hiện các giải pháp giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thấp còi tại các xã.

- Chủ trì tham mưu UBND Huyện, đề xuất giải pháp triển khai thực hiện chỉ tiêu 5.1 về Y tế, thuộc tiêu chí số 5 - Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới (Theo Quyết định 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

3.8. Phòng Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện và các cơ quan liên hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ chứng minh các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: Chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3, 18.4 thuộc tiêu chí số 18, cụ thể:

- Chỉ tiêu 18.1 - Cán bộ xã đạt chuẩn: Phối hợp với UBND xã rà soát các cán bộ, công chức xã chưa đạt chuẩn theo quy định để bố trí, sắp xếp gắn với công tác nhân sự Đại hội Đảng bộ các xã nhiệm kỳ 2020-2025 tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

- Chỉ tiêu 18.2: Tổ chức hướng dẫn các xã và tham mưu UBND huyện thực hiện củng cố, kiện toàn các tổ chức chính trị cơ sở trên địa bàn các xã.

- Chỉ tiêu 18.3: Phối hợp với Ban tổ chức huyện ủy Hướng dẫn đánh giá Đảng bộ, chính quyền xã vào cuối năm.

- Chỉ tiêu 18.4: Phối hợp với Mặt trận và các Đoàn thể huyện hướng dẫn các xã tổ chức đánh giá các tổ chức chính trị xã hội của xã và cuối năm.

3.9. Phòng Tư pháp: Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện và các cơ quan liên hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: Chỉ tiêu 18.5 - tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí 18.

3.10. Phòng Lao động TB&XH: Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện và các cơ quan liên hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ chứng minh các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của Phòng gồm: Tiêu chí số 11, Chỉ tiêu 14.3 thuộc tiêu chí số 14, Chỉ tiêu 18.6 thuộc tiêu chí số 18 về xây dựng xã NTM, cụ thể:

- Tiêu chí số 11 - Hộ nghèo: Phối hợp với Phòng NN&PTNT, Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện mở các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn để tạo cơ hội việc làm nâng cao thu nhập; phối hợp với các cơ quan đơn vị hướng dẫn UBND xã thực hiện kế hoạch giảm nghèo năm 2020; tổ chức rà soát, điều tra hộ nghèo trên địa bàn các xã.

- Chỉ tiêu 14.3 - Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo: Phối hợp với UBND xã tổ chức rà soát tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đã có việc làm trên địa bàn các xã.

- Chỉ tiêu 18.6 - Bình đẳng giới: Phối hợp với các cơ quan đơn vị tổ chức hướng dẫn các xã thực hiện công tác bình đẳng giới theo đúng hướng dẫn tại văn bản số 465/UBND-NL ngày 12/03/2018 của UBND tỉnh.

3.11. Ban chỉ huy Quân sự huyện: Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện và các cơ quan liên hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan gồm: Chỉ tiêu 19.1 thuộc tiêu chí số 19 về xây dựng xã NTM, cụ thể:

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng:

+ Hướng dẫn Đảng ủy xã xây dựng Nghị quyết về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; xây dựng kế hoạch triển khai công tác quân sự, quốc phòng.

+ Hướng dẫn xây dựng và kiện toàn lại Ban chỉ huy quân sự xã:

+ Bố trí trang thiết bị, dụng cụ bảo vệ cho Ban chỉ huy quân sự xã.

+ Hướng dẫn, giao chỉ tiêu về dân quân tự vệ xã.

+ Hướng dẫn Ban chỉ huy quân sự xã đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân và việc đăng ký nghĩa vụ quân sự công dân nam trong độ tuổi gọi nhập ngũ theo quy định.

3.12. Công an huyện: Chủ trì, phối hợp với Văn Phòng Nông thôn mới huyện và các cơ quan liên hướng dẫn các xã thực hiện đạt chuẩn và hoàn chỉnh hồ sơ chứng minh các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan gồm: Chỉ tiêu 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về xây dựng xã NTM, cụ thể:

- Hướng dẫn UBND xã xây dựng Nghị quyết về công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng ngừa đấu tranh xử lý kịp thời các vấn đề về an ninh, tệ nạn xã hội.

- Hướng dẫn lực lượng công an xã đăng ký danh hiệu thực trong năm.

- Hướng dẫn, đề nghị UBND xã đăng ký cơ quan “*An toàn về ANTT*” theo quy định của Thông tư 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ công an.

3.13. Văn Phòng điều phối Nông thôn mới huyện:

- Phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch, các cơ quan đơn vị liên quan, tham gia phân bổ vốn cho các xã tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với lộ trình đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí được giao và theo dõi tình hình thực hiện vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện chương trình;

- Tham mưu UBND Huyện kiện toàn BCĐ các chương trình MTQG huyện và kiện toàn lại Văn Phòng điều phối NTM Huyện tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan sắp xếp thời gian tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn từng xã.

- Chủ trì tổng hợp báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện định kỳ về UBND huyện, Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Kbang nắm được chỉ đạo.

- Tham mưu UBND huyện, BCĐ huyện tổ chức các cuộc họp để chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ thực hiện để đạt mục tiêu đề ra.

- Tham mưu UBND huyện xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, hướng dẫn các xã thực hiện các tiêu chí được giao và tổ chức thẩm định các chỉ tiêu/tiêu chí đã đạt chuẩn vào cuối năm.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

Thời gian qua được sự quan tâm chỉ đạo sâu sắc của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh và sự quan tâm giúp đỡ của các Sở ngành Tỉnh nên trong năm 2019 huyện Kbang đã đạt được một số kết quả rất khả quan trong thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM; với nhiệm vụ Huyện phấn đấu hoàn thành xây dựng NTM vào cuối năm 2020, UBND Huyện đã tập trung chỉ đạo huy động nguồn lực để thực hiện chương trình, tuy nhiên để đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, UBND Huyện đề nghị UBND Tỉnh cùng các Sở ngành tỉnh một số nội dung:

- Đề nghị UBND Tỉnh hỗ trợ kinh phí **20.220,0** triệu đồng để thực hiện đạt chuẩn các nội dung theo quy định của chương trình nhưng UBND huyện chưa có nguồn kinh phí:

+ Đầu tư 6km BTXM, đường giao thông trục huyện (*Đoạn từ ngã 3 làng Pngăl xã Kông Long Khong đi xã ĐăkHlor*), kinh phí 15.000,0 triệu đồng.

+ Hỗ trợ cho 348 hộ nghèo trong tổng số 450 hộ đăng ký thoát nghèo trong năm 2020 (vốn đảm bảo an sinh xã hội đã hỗ trợ 102 hộ) để giảm nghèo bền vững, với mức hỗ trợ 1 con bò cái sinh sản/hộ, kinh phí 5.220,0 triệu đồng.

- Đề nghị Sở giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch, hỗ trợ kinh phí để đầu tư và hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị công nhận trường THPT Anh Hùng Núp đạt chuẩn trong năm 2020.

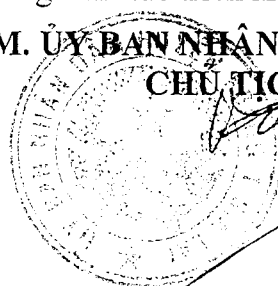
- Sở Nội vụ: Tổ chức các lớp bồi dưỡng chức danh cho cán bộ, công chức để đạt chuẩn theo quy định.

Trên đây là nội dung kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM 2020 trên địa bàn huyện đề nghị các cơ quan đơn vị huyện, các thành viên BCD các chương trình MTQG huyện và UBND các xã nghiêm túc triển khai thực hiện. /*nh*

Nơi nhận:

- Đ/c Bí thư Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND Tỉnh (Báo cáo);
- Sở GD&ĐT; Sở Nội vụ; Sở KH&ĐT;
- TT Huyện ủy (báo cáo);
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- TT UBMT TQVN huyện;
- Các UV BTV huyện ủy;
- Các Hội, Đoàn thể huyện;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- Các thành viên BCD huyện;
- Văn Phòng điều phối NTM huyện;
- UBND các xã;
- Lưu VT, VP, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Võ Văn Phán



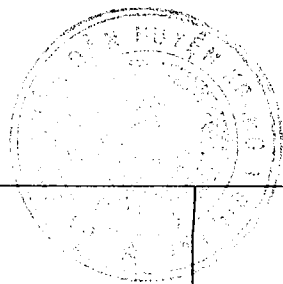
KẾ HOẠCH KINH PHÍ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM NĂM 2020

(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

ĐVT: Triệu đồng

ST T	TIÊU CHÍ THỰC HIỆN	Khối lượng thực hiện	Tổng Kế hoạch kinh phí	NGUỒN KINH PHÍ									Ghi chú
				NSTW	Trong đó			NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân	Vốn Doanh nghiệp	Chưa có nguồn	
					Vốn NTM	Vốn 135	Vốn Đảm bảo XH						
1	GIAO THÔNG	74,98 km	62.450,5	37.548,0	28.221,0	9.327,0	0,0	3.739,0	619,2	1.910,3		18.634,0	
-	Đường trục huyện	6 km	15.000,0	0,0	0,0	0,0	0,0					15.000,0	
-	Đường trục xã	2,44 km	7.435,7	2.485,0	2.485,0	0,0	0,0	3.033,0	363,0	184,7	0,0	1.370,0	
-	Đường nội thôn, làng	14,87 km	18.065,2	15.071,5	11.222,5	3.849,0	0,0	706,0	100,0	637,7	0,0	1.550,0	
-	Đường trục chính nội đồng	51,67 km	21.949,6	19.991,5	14.513,5	5.478,0	0,0	0,0	156,2	1.087,9	0,0	714,0	
2	THỦY LỢI		3.199,1	3.077,0	2.300,0	777,0	0,0	0,0	0,0	122,1	0,0	0,0	
-	Công trình thủy lợi	1 Công trình (Thủy lợi Đắc Tơ Ốc)	778,0	777,0	0,0	777,0	0,0	0,0	0,0	1,0	0,0	0,0	
-	Hệ thống kênh dẫn	2,1km	2.421,1	2.300,0	2.300,0	0,0	0,0	0,0	0,0	121,1	0,0	0,0	
3	TRƯỜNG HỌC		21.889,0	860,0	860,0	0,0	0,0	21.029,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
-	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học	10 cơ sở trường học	21.889,0	860,0	860,0		0,0	21.029,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
4	VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN		7.049,6	5.396,0	5.396,0	0,0	0,0	1.000,0	130,0	223,6	300,0	0,0	
-	Trung tâm văn hóa xã và Nhà văn hóa thôn, làng	2 Hội trường TTVH xã (Krong, Đông), bố trí dụng cụ thể thao giải trí cho 9 trung tâm văn háo xã, xây mới 4 nhà văn hóa thôn làng và mua sắm trang thiết bị tại các nhà văn hóa	6.433,8	5.096,0	5.096,0	0,0	0,0	1.000,0	130,0	207,8	0,0	0,0	
-	Đài truyền thanh xã	2 Đài truyền thanh (Sơ Pài, Kon Pnè)	615,8	300,0	300,0	0,0	0,0	0,0	0,0	15,8	300,0	0,0	
5	NHÀ Ở		6.923,7	0,0	0,0	0,0		0,0	0,0	1.424,0	5.499,7	0,0	
-	Xây mới	150 nhà	5.154,0	0,0						374,0	4780		
-	Sửa chữa	105 nhà	1.769,7	0,0						1050,0	719,7		
6	HỘ NGHÈO, THU NHẬP		16.862,0	10.142,0	5.085,0	3.017,0	2.040,0	1.500,0	0,0	0,0	0,0	5.220,0	
7	MÔI TRƯỜNG		7.928,0	6.040,0	6.040,0	0,0	0,0	0,0	140,0	1.748,0	0,0	0,0	
-	Hệ thống nước sinh hoạt		1.335,0	1.275,0	1.275,0					60,0			
-	Xử lý rác thải bao bì thuốc BVTV		140,0	0,0					140,0				
-	Nhà tiêu hợp vệ sinh		6.453,0	4.765,0	4.765,0					1.688,0			
TỔNG CỘNG			126.301,9	63.063,0	47.902,0	13.121,0	2.040,0	27.268,0	889,2	5.428,0	5.799,7	23.854,0	

Handwritten signature



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 2 - GIAO THÔNG NĂM 2020

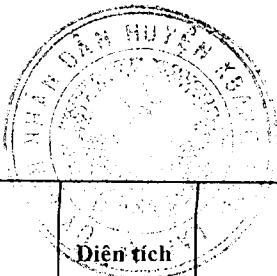
(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

STT	Tiêu chí/Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kết quả đã đạt được	Kế hoạch, Khối lượng thực hiện năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó							Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)
						Ngân sách TW	Trong đó		NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân	Chưa có nguồn	
							Vốn NTM	Vốn 135					
I	ĐƯỜNG TRỤC HUYỆN		166,6/172,56 km	6 km	15.000,0		0,0		0,0	0,0	0,0	15000,0	
1	Đoạn từ làng Pngăl xã Kông Long Khong đi thôn 5 xã ĐăkHlơ			L= 6 Km, Bn=6m, mặt đường BTXM mức 250, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước;	15.000,0	0,0						15.000,0	KT-HT, VPNTM
II	ĐƯỜNG TRỤC XÃ			2,44km	7.435,7	2.485,0	2.485,0	0,0	3.033,0	363,0	184,7	1.370,0	
1	Đoạn trung tâm xã Lơ Ku đi ra khu nghĩa địa	Xã Lơ Ku	3,29/4,09 km Đạt 80,4%	L= 0,8 Km, Bn=6m, mặt đường BTXM mức 250, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước;	1.120,0	0,0						1.120,0	KT-HT, VPNTM
2	Nâng cấp mở rộng đường giao thông trục xã (đoạn UBND xã)	Xã Kông Bờ La	5,2/5,5km Đạt 94,5%	Mặt đường BTXM, Bm=5,5m (mở rộng mặt đường 2m, mặt đường cũ 3,5m) dày 20cm, đá 2x4 M250, L = 0,8km	2.157,9	2.050,0	2.050,0				107,9		
3	Đoạn từ Làng Lọt đi thôn 5 xã ĐăkHlơ			L= 0,3 Km, Bn=6m, mặt đường BTXM mức 250, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước;	250,0	0,0						250,0	
4	Mở rộng đường trục xã (Đoạn trước UBND xã Sơ Pai)	Xã Sơ Pai		L= 0,8 Km, Bn=6m, mặt đường BTXM mức 250, Bm=3,5m, hệ thống thoát nước;	3.033,0				3.033,0				
5	Đoạn từ ngã 3 Dũng Hát thôn 4 đến giáp đường liên huyện	ĐăkHlơ	4,91/5,45km đạt 90%	L=543m, Bn =5m, Bm=3,0m, BTXM M250, dày 18 cm,	874,8	435,0	435,0			363,0	76,8		
III	ĐƯỜNG NỘI THÔN, LÀNG			14,87km	18.065,2	15.071,5	11.222,5	3.849,0	706,0	100,0	637,7	1.550,0	
1	Xã Dăkrong		14,4/16km Đạt 88,1%	4,47km	5.862,7	5.516,5	3.632,5	1.884,0	0,0	0,0	196,2	150,0	

Handwritten signature

STT	Tiêu chí/Nội dung thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kết quả đã đạt được	Kế hoạch, Khối lượng thực hiện năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó							Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)	
						Ngân sách TW	Trong đó		NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân	Chưa có nguồn		
							Vốn NTM	Vốn 135						
-	Đường từ làng Kon Lanh Te đi làng Kon trang	Xã Đăkrong		L=3,1km, BTXM mức 250, Bn=5m, Bm=3,5m dày 18cm và hệ thống thoát nước	3.823,7	3.632,5	3.632,5				191,2			
-	Đường nội thôn Suối U			L=0,1km, BTXM mức 250, Bn=5m, Bm=3,5m dày 18cm và hệ thống thoát nước	150,0	0,0					150,0			
-	Đường nội làng Kon Von 1			L=0,12km, BTXM mức 250, Bn=5m, Bm=3,5m dày 18cm và hệ thống thoát nước	164,0	163,0		163,0			1,0			
-	Đường nội làng Kon Bông 1 (cũ)			L=0,6km, BTXM mức 250, Bn=5m, Bm=3,5m dày 18cm và hệ thống thoát nước	629,0	628,0		628,0			1,0			
-	Đường nội làng Kon Lốc 1			L=0,35km, BTXM mức 250, Bn=5m, Bm=3,5m dày 18cm và hệ thống thoát nước	538,0	537,0		537,0			1,0			
-	Đường nội làng Kon Trang			L=0,3km, BTXM mức 250, Bn=5m, Bm=3,5m dày 18cm và hệ thống thoát nước	376,0	375,0		375,0			1,0			
-	Đường nội làng Kon Lanh			L=0,1km, BTXM mức 250, Bn=5m, Bm=3,5m dày 18cm và hệ thống thoát nước	182,0	181,0		181,0			1,0			
2	Xã Lơ Ku		6,91/8,05 Đạt 85%	1,04km	2.768,4	1.300,0	1.300,0	0,0	0,0	0,0	68,4	1.400,0		
-	Đường nội làng (04 tuyến), L=1046m - Làng Bôn nhánh 1 (L=230m), nhánh 2 (L=146m); - Làng Lọt (L=200m); - Nội thôn 2 (từ nhà bà Tâm Yên vào nhà Bà Xuân Mẩn, L=250m); - Đường từ trường TH dân tộc BT Lơ Ku đi sân vận động xã (L=220m)	Lơ Ku		L=1046m, Bn=5m, Bm=3m, BTXM mức 250, dày 18cm, hệ thống thoát nước	1.368,4	1.300,0	1.300,0				68,4			
-	Đường Nội làng Tăng			L=0,3 km, BTXM	420,0							420,0		
-	Đường nội làng Mông			L=0,7 km, BTXM	980,0							980,0		
3	Xã Kông Bờ La		3,7/5,8km đạt 63%	2,1km	2.568,4	2.440,0	2.440,0	0,0	0,0	0,0	128,4	0,0		
-	Đường nội thôn Tuchrăn (từ nhà ông Phiến đi thành an)	Xã Kông Bờ La		Mặt đường BTXM Bm =3,0m, đá 2*4 M250, dày 18 cm, L=0,35 km, HT thoát nước	442,1	420,0	420,0				22,1			

nk

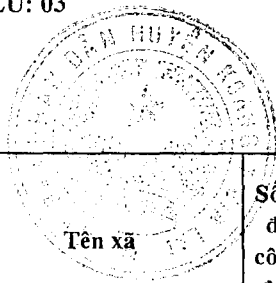


KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 3 - THỦY LỢI NĂM 2020

(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

STT	Tên xã	Diện tích được tưới, tiêu nước chủ động (ha)	Kế hoạch, Khối lượng thực hiện năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó						Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)	
					Ngân sách TW	Trong đó		NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân		Vốn tài trợ Doanh nghiệp
						Vốn NTM	Vốn 135					
1	Xã Kon Pnê	Đạt 80%	Công trình đập Đăk Tơ Óc (Đập đầu nguồn, kênh tưới BTCT 40x60, dày 10cm, L= 360m)	778,0	777,0		777,0			1,0		Phòng NN&PTNT
			Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Lơ Nhang (L=400m, bê tông kênh)	421,1	400,0	400,0				21,1		
			Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Hlim (L=400m, bê tông kênh và cống lấy nước)	631,6	600,0	600,0				31,6		
			Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Tơ Kắt (kênh BTXM cốt thép, kích thước 30x50cm, dày 10cm, dài 500 m)	526,3	500,0	500,0				26,3		
			Kiên cố kênh thủy lợi Đăk Tơ Pốt (kênh BTXM cốt thép, kích thước 30x50cm, dày 10cm, dài 800 m)	842,1	800,0	800,0				42,1		
Tổng cộng				3.199,1	3.077,0	2.300,0	777,0	0,0	0,0	122,1	0,0	

Handwritten signature



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 5 - TRƯỜNG HỌC NĂM 2020

(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên xã	Số trường đã được công nhận đạt chuẩn	Kế hoạch, Khối lượng thực hiện năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó					Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)
					Ngân sách TW	NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân	Vốn tài trợ Doanh nghiệp	
1	Xã Kon Pne	1/2	Phòng chức năng Trường Mẫu giáo xã Kon Pne (Nhà cấp 4, diện tích xây dựng 160m2)	860,0	860,0					Phòng GD&ĐT
2	Xã Đắkrong	1/2	Nâng cấp trường PTDT Bán trú TH và THCS Đắkrong và trường mẫu giáo Đắkrong	3.900,0		3.900,0				
3	Xã Krong	0/5	Thực hiện đầu tư nâng cấp, chỉnh trang 5 cơ sở trường học trên địa bàn xã Krong (Mẫu giáo Krong, Mẫu giáo Hòa Mi, PTDTBT TH Lê Văn Tám, PTDTBT TH và THCS Krong, PTDTBT THCS Krong)	5.160,0		5.160,0				
4	Xã Lơ Ku	1/2	Đầu tư nâng cấp, chỉnh trang Trường PTDTBT TH và THCS Lơ Ku đã đầu tư năm 2019 để đề nghị công nhận đạt chuẩn năm 2020	0,0						
5	Xã Sơ Pài	2/2	Duy trì đạt chuẩn các cơ sở trường học	420,0		420,0				
6	Xã Sơn Lang	3/4	Chỉnh trang, lập hồ sơ đề nghị công nhận trường TH và THCS Trạm Lập đạt chuẩn năm 2020	1.900,0		1.900,0				
7	Xã Đắk Smar	0/2	Đầu tư cơ sở vật chất tại 2 điểm trường (Mẫu giáo Đăksmar và PTDTBT TH và THCS Đắk Smar)	1.420,0		1.420,0				
8	Xã Tơ Tung	3/3	Tiếp tục chỉnh trang và Duy trì đạt chuẩn các cơ sở trường học	240,0		240,0				
9	Xã Kông Long Khong	3/4	Tiếp tục chỉnh trang và Duy trì đạt chuẩn các cơ sở trường học	0,0						
10	Xã Kông Bờ La	2/3	Thực hiện chỉnh trang và đầu tư tại điểm trường THCS Kông Bờ La để đạt chuẩn năm 2020	5.389,0		5.389,0				
11	Xã Đắk Hlơ	2/2	Tiếp tục đầu tư nâng cấp điểm trường TH và THCS Đắk Hlơ	2.600,0		2.600,0				
12	Xã Đông	3/3	Tiếp tục chỉnh trang và Duy trì đạt chuẩn các cơ sở trường học	0,0						
13	Xã Nghĩa An	3/3	Tiếp tục chỉnh trang và Duy trì đạt chuẩn các cơ sở trường học	0,0						
Tổng cộng		24/37		21.889,0	860,0	21.029,0	0,0	0,0	0,0	

* Ghi chú: Thực hiện đầu tư, chỉnh trang 10 cơ sở trường học để công nhận đạt chuẩn năm 2020

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 6, 8 - CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG NĂM 2020

(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

STT	Tên xã	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2020		Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó						Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)	
		Trung tâm văn hóa xã	Nhà văn hóa thôn, làng		Ngân sách TW	Trong đó		NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân		Vốn tài trợ Doanh nghiệp
						Vốn NTM	Vốn 135					
I	CƠ SỞ VẬT CHẤT VĂN HÓA			6.433,8	5.096,0	5.096,0	0,0	1.000,0	130,0	207,8	0,0	
1	Xã Kon Phe	Bổ trí dụng cụ thể thao tại điểm vui chơi cho trẻ em và người cao tuổi	Xây mới 2 nhà văn hóa: Kon Ktonh và Kon Kring nâng cấp các công trình phụ trợ	1.573,6	1.500,0	1.500,0				73,6		Phòng Văn hóa và Thông tin
2	Xã Đăkrong	Sửa chữa hội trường nhà văn hóa, xây dựng nhà vệ sinh, Mua sắm dụng cụ thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Chỉnh trang các công trình phụ trợ tại 9 nhà văn hóa	270,0	150,0	150,0			120,0			
3	Xã Krong	Xây mới trung tâm văn hóa xã	Mua sắm trang thiết bị và Chỉnh trang các công trình phụ trợ tại 8 nhà văn hóa	1.678,9	1.600,0	1.600,0				78,9		
4	Xã Lo Ku	Hệ thống âm thanh và công trình phụ trợ tại trung tâm văn hóa xã	Hệ thống âm thanh và bàn ghế tại các nhà văn hóa	120,0	120,0	120,0						
5	Xã So Pai	Mua sắm dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi	Hệ thống âm thanh, bộ khánh tiết và bàn ghế tại 7 nhà văn hóa	120,0	120,0	120,0						
6	Xã Sơn Lang		Chỉnh trang nhà văn hóa và trang thiết bị tại làng NTM	20,0	20,0	20,0						
7	Xã Đăk Smar	Xây dựng một số công trình phụ trợ và dụng cụ thể thao tại trung tâm văn hóa xã	Chỉnh trang nhà văn hóa và trang thiết bị tại làng thực hiện làng NTM	56,0	46,0	46,0			10,0			
8	Xã Tơ Tung	Mua sắm dụng cụ thể thao tại trung tâm văn hóa xã	Hệ thông âm thanh, bộ khánh tiết và một số công trình phụ trợ	90,0	90,0	90,0						
9	Kông Long Khong	Mua sắm dụng cụ thể thao tại trung tâm văn hóa xã	Xây mới nhà văn hóa làng Kgiang, Hệ thông âm thanh, bộ khánh tiết và một số công trình phụ trợ tại 9 nhà văn hóa	751,6	720,0	720,0				31,6		

Chu

STT	Tên xã	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2020		Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó						Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)	
		Trung tâm văn hóa xã	Nhà văn hóa thôn, làng		Ngân sách TW	Trong đó		NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân		Vốn tài trợ Doanh nghiệp
						Vốn NTM	Vốn 135					
10	Xã Kông Bờ La	Mua sắm dụng cụ thể thao tại trung tâm văn hóa xã	Xây mới nhà văn hóa làng Klôm; Hệ thống âm thanh, bộ khánh tiết và một số công trình phụ trợ tại 10 nhà văn hóa	593,7	570,0	570,0				23,7		
11	Xã ĐăkHlơ	Sửa chữa hội trường nhà văn , Mua sắm dụng cụ thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Hệ thống âm thanh, bộ khánh tiết, bàn ghế và một số công trình phụ trợ tại các nhà văn hóa	130,0	130,0	130,0						
12	Xã Đông	Xây dựng mới hội trường trung tâm văn hóa xã	Chỉnh trang nhà văn hóa và trang thiết bị tại làng thực hiện làng NTM	1.015,0	15,0	15,0		1.000,0				
13	Xã Nghĩa An		Chỉnh trang nhà văn hóa và trang thiết bị tại làng thực hiện làng NTM	15,0	15,0	15,0						
II	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			615,8	300,0	300,0	0,0	0,0	0,0	15,8	300,0	
1	Xã KonPne			315,8	300,0	300,0	0,0	0,0	0,0	15,8	0,0	
-	Đầu tư mới đài truyền thanh xã			315,8	300,0	300,0				15,8		
1	Xã Sơ Pai			300,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	300,0	
-	Đầu tư mới đài truyền thanh xã			300,0							300,0	
TỔNG CỘNG				7.049,6	5.396,0	5.396,0	0,0	1.000,0	130,0	223,6	300,0	

* Ghi chú: Đầu tư mới 1 trung tâm văn hóa, 4 nhà văn hóa thôn, làng và 2 đài truyền thanh xã.



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 9 - NHÀ Ở DÂN CƯ, NĂM 2020

(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

STT	Tên xã	Tỷ lệ nhà đạt chuẩn	Số hộ có nhà tạm (nhà)	Kế hoạch, Khối lượng thực hiện năm 2020	Trong đó		Tổng nhu cầu kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó				Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)
					Làm mới	Sửa chữa		Vốn NS hỗ trợ	Vốn huy động nhân dân	Vốn tài trợ Doanh nghiệp	Chưa có nguồn	
1	Xã Kon Pnê	270/430 đạt 62%		Thực hiện chỉnh trang 50 nhà ở đạt chuẩn theo quy định Bộ xây dựng			100,0		100,0			Phòng KT-HT; TC-KH; VP NTM
2	Xã Đăkrong	899/1010 đạt 89%	83	Huy động nguồn lực hỗ trợ xóa 83 nhà tạm	43	40	2.082,3		359,0	1.723,3		
3	Xã Krong	904/1348 đạt 67%	22	Thực hiện chỉnh trang 50 nhà ở; huy động hỗ trợ xóa 22 nhà tạm	16	6	940,0		50,0	890,0		
4	Xã Lơ Ku	565/751 đạt 75%	82	Huy động nguồn lực hỗ trợ xóa 82 nhà tạm	35	47	1.832,6		461,0	1.371,6		
5	Xã Sơ Pài	1349/1457 đạt 92%	4	Huy động nguồn lực hỗ trợ xóa 4 nhà tạm	4		245,0		145,0	100,0		
6	Xã Sơn Lang	1091/1.73 Đạt 93%	4	Hỗ trợ kinh phí cho 4 hộ	4		80,0			80,0		
7	Xã Đăk Smar	305/313 đạt 97%		Huy động nguồn lực hỗ trợ chỉnh trang 8 nhà ở			118,0		18,0	100,0		
8	Xã Tơ Tung	892/1351 đạt 66%	14	Huy động nguồn lực hỗ trợ xóa 14 nhà tạm	12	2	403,5		61,0	342,5		
9	Xã Kông Long Khong	810/1125 đạt 72%	27	Huy động nguồn lực hỗ trợ xóa 27 nhà tạm	21	6	765,1		200,0	565,1		
10	Xã Kông Bờ La	787/848 đạt 92%	19	Huy động nguồn lực hỗ trợ xóa 19 nhà tạm	15	4	457,2		30,0	427,2		
11	Xã Đăk Hlơ	Đã đạt chuẩn theo quy định										
12	Xã Đông											
13	Xã Nghĩa An											
Tổng cộng			255	0	150	105	7.023,7	0,0	1.424,0	5.599,7	0,0	

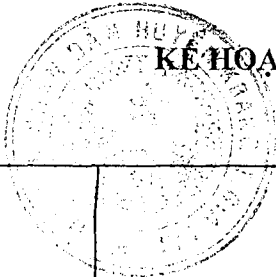
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 10, 11 - THU NHẬP VÀ HỘ NGHÈO, NĂM 2020

(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

ST T	Tiêu chí/Nội dung thực hiện	Số hộ đăng ký thoát nghèo (Hộ)	Kế hoạch, thực hiện hỗ trợ hộ nghèo năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó								Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)	
					Ngân sách TW	Trong đó			NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân	Vốn tài trợ Doanh nghiệp		Vốn đề nghị hỗ trợ thêm
						Vốn NTM	Vốn 135	Vốn đảm bảo xã hội						
1	Xã Kon Pne	6	Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất từ các chương trình theo hình thức liên kết sản xuất	785,0	740,0	370,0	310,0	60,0					45,0	Phòng Lao động TB&XH, Phòng Nông nghiệp và Phòng Dân tộc
2	Xã Đăkrong	138	Hỗ trợ bò giống và giống cây mắc ca và hỗ trợ hộ tham gia các dự án liên kết sản xuất	3.454,0	1.669,0	860,0	429,0	380,0					1.785,0	
3	Xã Krong	100	Hỗ trợ bò giống, phát triển sản xuất (mô hình trồng cà phê, trồng rừng sản xuất,...)	2.819,0	1.589,0	800,0	429,0	360,0					1.230,0	
4	Xã Lơ Ku	45	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng ngô sinh khối,...)	1.426,0	886,0	350,0	356,0	180,0					540,0	
5	Xã Sơ Pai	20	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng cà phê, cây dược liệu,...)	700,0	505,0	200,0	165,0	140,0					195,0	
6	Xã Sơn Lang	7	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng cà phê, cây ăn quả,...)	625,0	580,0	280,0	220,0	80,0					45,0	
7	Xã Đăk Smar	20	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng cà phê, trồng rừng sản xuất,...)	887,0	632,0	335,0	237,0	60,0					255,0	
8	Xã Tơ Tung	10	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng cà phê, trồng rừng sản xuất,...)	815,0	800,0	400,0	220,0	180,0					15,0	
9	Kông Long Khong	58	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng cây ăn quả, trồng rừng sản xuất,...)	1.785,0	1.110,0	495,0	355,0	260,0					675,0	
10	Xã Kông Bờ La	27	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng cây ăn quả,...)	1.136,0	836,0	400,0	296,0	140,0					300,0	
11	Xã ĐăkHlơ	2	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất	250,0	235,0	215,0		20,0					15,0	
12	Xã Đông	10	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất	280,0	220,0	100,0		120,0					60,0	
13	Xã Nghĩa An	7	Hỗ trợ bò giống và giống cây trồng, phân bón cho hộ phát triển sản xuất (mô hình trồng cà phê, trồng rừng sản xuất,...)	400,0	340,0	280,0		60,0					60,0	
Tổng cộng		450	0	16.862,0	10.142,0	5.085,0	3.017,0	2.040,0	1.500,0	0,0	0,0	0,0	5.220,0	

* Ghi chú: - Đề nghị Tỉnh kêu gọi hỗ trợ 5.220 triệu đồng (cho 348 hộ đăng ký hộ nghèo , mỗi hộ 1 con bò cái giống)

- Ngân sách huyện 1.500 triệu đồng (giao Phòng Nông nghiệp) chưa thực hiện phân khai



KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TIÊU CHÍ SỐ 17 - MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM, NĂM 2020

(Kèm theo kế hoạch số 324 /KH-UBND ngày 30 / 3 /2020 của UBND Huyện)

STT	Tên xã	Kế hoạch, Khối lượng thực hiện năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó						Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)
				Ngân sách TW (NTM)		NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân	Chưa có nguồn	
				SN	ĐTPT					
I	NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH: 1.289 HỘ		6.453,0	4.765,0		0,0	0,0	1.688,0	0,0	
1	Xã Kon Pne	Hỗ trợ 130 hộ làm nhà vệ sinh	520,0	390,0				130,0		Phòng Tài nguyên và Môi trường
2	Xã Đăkrong	Hỗ trợ 260 hộ làm nhà vệ sinh	1.040,0	780,0				260,0		
3	Xã Krong	Hỗ trợ 316 hộ làm nhà vệ sinh	1.262,0	946,0				316,0		
4	Xã Lơ Ku	Hỗ trợ 113 hộ làm nhà vệ sinh	454,0	339,0				115,0		
5	Xã Sơ Pai	Hỗ trợ 70 hộ làm nhà vệ sinh	280,0	210,0				70,0		
6	Xã Sơn Lang	Hỗ trợ 20 hộ nghèo, cận nghèo làm nhà vệ sinh xây dựng làng NTM	150,0	60,0				90,0		
7	Xã Đăk Smar	Hỗ trợ 20 hộ làm nhà vệ sinh xây dựng làng NTM	107,0	60,0				47,0		
8	Xã Tơ Tung	Hỗ trợ 100 hộ làm nhà vệ sinh	400,0	300,0				100,0		
9	Kông Long Khong	Hỗ trợ 322 hộ làm nhà vệ sinh , và 20 hộ làm chuồng trại	1.288,0	966,0				322,0		
10	Xã Kông Bờ La	Hỗ trợ 128 hộ làm nhà vệ sinh	512,0	384,0				128,0		
11	Xã ĐăkHlơ	Hỗ trợ 30 hộ làm nhà vệ sinh	120,0	90,0				30,0		
12	Xã Đông	Hỗ trợ 40 hộ làm nhà vệ sinh	160,0	120,0				40,0		
13	Xã Nghĩa An	Hỗ trợ 40 hộ làm nhà vệ sinh	160,0	120,0				40,0		
II	HỆ THỐNG NƯỚC SẠCH, HỢP VỆ SINH		1.335,0	135,0	1.140,0	0,0	0,0	60,0	0,0	
1	Xã Kon Pne	Lấy 3 mẫu nước để xét nghiệm	5,0	5,0						Phòng
		Nâng cấp Hệ thống nước tự chảy khu dân cư Đăk Lơ Nhang (Đập ngăn nước, bể chứa, bể lắng và hệ thống)	421,1		400,0			21,1		
2	Xã Đăkrong	Lấy 12 mẫu nước để xét nghiệm	20,0	20,0						
3	Xã Krong	Lấy 12 mẫu nước để xét nghiệm	28,0	28,0						
4	Xã Lơ Ku	Lấy 9 mẫu nước để xét nghiệm	15,0	15,0						

Phòng

STT	Tên xã	Kế hoạch, Khối lượng thực hiện năm 2020	Tổng kế hoạch kinh phí thực hiện	Trong đó						Ghi chú (Cơ quan theo dõi thực hiện)
				Ngân sách TW (NTM)		NS Tỉnh, Huyện	NS Xã	Vốn huy động nhân dân	Chưa có nguồn	
				SN	ĐTPT					
5	Xã Sơ Pai	Lấy 7 mẫu nước để xét nghiệm	12,0	12,0						Nông nghiệp và PTNT
6	Xã Đăk Smar	Lấy 5 mẫu nước xét nghiệm	8,0	8,0						
		Nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung làng Cam, Đak Kmung (Nâng cấp đầu nguồn, đầu nối đường ống từ làng Cam về làng Đăk Kmung)	778,9		740,0			38,9		
7	Xã Tơ Tung	Lấy 10 mẫu nước xét nghiệm	16,0	16,0						
8	Kông Long Khong	Lấy 8 mẫu nước xét nghiệm	15,0	15,0						
9	Xã Kông Bờ La	Lấy 10 mẫu nước xét nghiệm	16,0	16,0						
III	XỬ LÝ RÁC THẢI BAO BÌ THUỐC BVTV		140,0	0,0	0,0	0,0	140,0	0,0	0,0	
1	Xã Kon Pne	Dụng cụ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV	20,0				20,0			Phòng Tài nguyên và Môi trường
2	Xã Đăkrong	Dụng cụ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV	20,0				20,0			
3	Xã Krong	Dụng cụ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV	20,0				20,0			
4	Xã Lơ Ku	Dụng cụ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV	20,0				20,0			
5	Xã Sơ Pai	Dụng cụ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV	20,0				20,0			
6	Xã Đăk Smar	Dụng cụ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV	20,0				20,0			
7	Xã Tơ Tung	Dụng cụ thu gom và xử lý bao bì thuốc BVTV	20,0				20,0			
TỔNG CỘNG			7.928,0	4.900,0	1.140,0	0,0	140,0	1.748,0	0,0	

nhu